

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Hồng;

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thái Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lưu Ngọc P, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Ngô Văn N, sinh năm 1987 và chị Lâm Thị P1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (anh N, chị P1 vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Dương Thị B, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lưu Ngọc P trình bày:

Anh với anh Nguyễn Văn N1, chị Lâm Thị P1 quen biết với nhau, vào ngày 06-7-2022 anh có cho vợ chồng anh N1, chị P1 vay số tiền 700.000.000 đồng, khi vay anh N1, chị P1 có viết giấy vay tiền, thời hạn trả nợ 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 06%/tháng, không ghi vào giấy vay tiền, mục đích vay anh N1, chị P1 nói để đáo hạn Ngân hàng. Đến hạn trả nợ anh N1, chị P1 không trả nợ gốc cũng không trả tiền lãi cho anh mà cứ hẹn cho đến nay. Ngày 01-4-2024 anh nộp đơn khởi kiện đến Tòa án và sau khi thụ lý vụ án anh N1, chị P1 xin cho thời gian để tự thỏa thuận nhưng đến nay anh N1, chị P1 cứ cố tình né tránh. Do đó nay anh yêu cầu Tòa án buộc anh N1, chị P1 có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vay 700.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi 01%/tháng, từ ngày vay đến khi giải quyết xong vụ án.

Trong thời gian vay anh N1, chị P1 trình bày có giao vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng), cho anh số tiền 66.150.000 đồng để trừ nợ tiền lãi thì anh cũng đồng ý khấu trừ vào tiền lãi sau khi tính toán.

Bị đơn anh Ngô Văn N có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Vợ chồng anh với vợ chồng anh Lưu Ngọc P quen biết nhau, không họ hàng gì. Vào ngày 06 tháng 7 năm 2022 vợ chồng anh có vay của anh Lưu Ngọc P số tiền 700.000.000 đồng, có viết giấy nhận nợ, thỏa thuận thời gian trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 06%/tháng, mục đích vay tiền dùng cho chị ruột để mua bán đất, từ khi vay tiền vợ chồng anh có đổ vật liệu xây dựng (cát, đá, xi măng) cho anh P, tổng số tiền 66.150.000 đồng, anh P nói cần trừ tiền lãi chứ vợ chồng anh chưa trả cho anh P số tiền lãi nào cả.

Đến nay vợ chồng anh còn nợ tiền gốc anh P là 700.000.000 đồng, lý do chưa trả được số tiền cho anh P là do con anh bị tai nạn giao thông nằm bệnh viện C và chị ruột anh nợ tiền chưa trả lại cho anh nên anh không có tiền trả cho anh P.

Nay vợ chồng anh đồng ý trả cho anh P số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật, chứ không theo yêu cầu của anh P. Đối với số tiền 66.150.000 đồng anh P nợ vợ chồng anh tiền đổ vật tư xây dựng thì đề nghị trừ vào tiền lãi, nếu anh P không đồng ý thì anh sẽ khởi kiện vụ án khác.

Bị đơn chị Lâm Thị P1 có ý kiến: Chị là vợ anh Ngô Văn N, vợ chồng chị với vợ chồng anh Lưu Ngọc P quen biết nhau, không họ hàng gì. Chị thống nhất với lời trình bày của anh N, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Thị B có ý kiến: Chị là vợ anh Lưu Ngọc P, số tiền anh Ngô Văn N và chị Lâm Thị P1 nợ là tài sản chung của vợ chồng chị. Nay chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của anh P, không ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; anh Lưu Ngọc P là nguyên đơn và chị Dương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng anh P, anh N, chị P1 và chị B là phù hợp theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Ngọc P là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Ngọc P đối với anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Ngọc P số tiền vay gốc 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận anh P, chị B, anh N, chị P1 tự thỏa thuận khấu trừ số tiền 66.150.000 đồng anh P, chị B nợ anh N, chị P1 vào tiền lãi suất.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; anh Lưu Ngọc P là bị đơn và chị Dương Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh P, anh N, chị P1 và chị B.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B yêu cầu anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 trả số tiền vay 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi 01%/tháng, từ ngày vay cho đến khi trả xong nợ gốc. Anh N, chị P1 thừa nhận có vay của anh P số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và đồng ý trả số tiền này và yêu cầu tính tiền lãi suất theo quy định của pháp luật sau đó khấu trừ số tiền 66.150.000 đồng anh P nợ vào tiền lãi suất.

[2.1] Xét thấy, khi khởi kiện anh Lưu Ngọc P cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm “01 Giấy biên nhận vay tiền, đề ngày

06-7-2022”. Chứng cứ trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai cho anh N, chị P1 biết và anh chị cũng thừa nhận chứng cứ do anh P cung cấp cho Tòa án là đúng nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[2.2] Căn cứ chứng cứ là Giấy biên nhận vay tiền, đề ngày 06-7-2022 do anh Lưu Ngọc P cung cấp và được anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 thừa nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa anh Lưu Ngọc P với anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng, các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ và tiền lãi suất nên việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh N, chị P1 thừa nhận có vay của anh P, chị B số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng đến nay chưa trả gốc cũng như tiền lãi nên đồng ý trả số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Xét yêu cầu tính tiền lãi suất của vợ chồng anh P, thấy rằng: Khi vay giữa anh P và anh N, chị P1 có lập hợp đồng vay, có ghi thời hạn trả nợ và thỏa thuận lãi suất bằng lời nói, không ghi vào giấy nợ; anh P, anh N, chị P1 cùng khai lãi suất thỏa thuận 06%/tháng. Do đó có căn cứ xác định hợp đồng vay tiền giữa anh P với anh N, chị P1 là trường hợp có thỏa thuận lãi nhưng vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án anh P, chị B, anh N, chị P1 đều thừa nhận từ khi vay anh N, chị P1 chưa trả tiền lãi cho anh P, chị B và anh P, chị B yêu cầu tính lãi suất 01%/tháng từ ngày vay là phù hợp, có căn cứ chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: $700.000.000 \text{ đồng} \times 01\%/\text{tháng} \times 24 \text{ tháng}, 23 \text{ ngày}$ (từ ngày 06-7-2022 đến ngày 29-7-2024) = 173.366.000 đồng.

[2.4] Xét việc anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B cùng anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 tự thỏa thuận khấu trừ số tiền 66.150.000 đồng vợ chồng anh P nợ anh N, chị P1 vào tiền lãi đã tính. Việc các bên tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Ngọc P đối với anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B số tiền vay gốc 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 06-7-2022 đến ngày 29-7-2024 là 173.366.000 (một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi 873.366.000 (tám trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Ghi nhận anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B đồng ý khấu trừ số tiền nợ 66.150.000 đồng nên anh Ngô Văn N, chị

Lâm Thị P1 còn phải trả cho anh P, chị B số tiền 807.216.000 (tám trăm lẻ bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lưu Ngọc P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Ngọc P đối với anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B số tiền vay gốc 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 06-7-2022 đến ngày 29-7-2024 là 173.366.000 (một trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Tổng cộng gốc và lãi 873.366.000 (tám trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn) đồng. Ghi nhận anh Lưu Ngọc P, chị Dương Thị B đồng ý khấu trừ số tiền nợ 66.150.000 đồng nên anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 còn phải trả cho anh P, chị B số tiền 807.216.000 (tám trăm lẻ bảy triệu, hai trăm mười sáu nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P1 phải chịu 36.216.000 (ba mươi sáu triệu, hai trăm mười sáu nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Ngọc P không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho anh P 18.600.000 (mười tám triệu, sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006098, ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lưu Ngọc P, anh Ngô Văn N, chị Lâm Thị P2, chị Dương Thị B có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thanh Quốc